



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN HAC
Last Middle First

Current Address: 12/1B, AP XOM HUE, TAN AN HOI, CU CHI, HCMC

Date of Birth: 10/18/37 Place of Birth: VN.

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May 11 - 75 To 12/24/79
Years: 4 Months: 6 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Do Thi Sang</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN LẠC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01- Nguyễn Thị Huệ	8/21/40	wife
02- Lê Minh Trí	1/15/70	son
03- Lê Minh Triết	9/14/71	son
04- Lê Kim Hạnh	1/18/65	daughter
05- Lê Phương Thảo	Feb. 1st 67	daughter -

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Trại cải tạo số 3
Số 601-GR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT/C, ban hành theo công văn số 2365 ngày 21 tháng 11 năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 936-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ
Thi hành quyết định tha số 538 ngày 10 tháng 11 năm 1972 của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:
Họ, tên khai sinh: Lê Văn Lạo
Họ, tên thường gọi: ...
Họ, tên bí danh: ...
Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1937
Nơi sinh: ...
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: ...
Số 12/1b ấp Xóm Lầu, xã Tân An Hội, xã chỉ thị nội chỉ làm
Cạn tội: Thiếu tố tiêu đoàn trường không sinh sản hết ngày
Bị bắt ngày 11/5/1975 An phạt ...
Theo quyết định, án vận số ... ngày ... tháng ... năm ...

Đã bị tăng án ... lần, công thành ... năm ... tháng ...
Đã được giảm án ... lần, công thành ... năm ... tháng ...
Nay về cư trú tại: ...
Nhận xét quá trình cải tạo: ...

Từ ngày vào trại cải tạo đến nay anh em Lê Văn Lạo chưa có biểu hiện gì xấu. Luôn luôn có cố gắng làm tốt mọi việc được giao. Mọi công việc nhanh chóng có kết quả gì lớn. Học tập bình một thêm gia đều các buổi do trại tổ chức.

Lưu tay ngón trỏ phải
Của: Lê Văn Lạo
Danh bản số: 1651
Lập tại: ...

Họ, tên, chữ ký, người được cấp giấy

Lê Văn Lạo

Ngày 14 tháng 12 năm 1973
Giám thị
Đại úy ...

Washington, 14-9-88

Kính gửi: Bà Klaus. Minh-Tho.

Chưa bà:

Tôi xin gửi đến bà hồ sơ của vợ trước tôi:
Lê Văn - Học, từ bạn tôi, vì thấy sự không có
thân nhân ở nhà ngay.

Vợ ông học là: Nguyễn Thị Huệ, bà Huệ là
vợ nhân viên làm việc cho Hoa Kỳ từ 1967
đến 1973 cho ông và lễ cưới quen của Hoa
Kỳ.

Năm 1982, thấy sự có nếp đơn qua O.D.P.
ở Bangkok Thailand, vợ ông có làm đơn như là
(có làm thấy hồ sơ)

Thưa bà: cha tôi kết quả chuyến đi của ông
bộ Tổng Ngăn Gìn giữ Hoa Kỳ thấy thấy ? sau Sao?
chúng có nếp để sẵn tại đây.

Chưa bà: tôi là học từ và bà Mỹ khác trung
tâm đi nhận, và tôi cũng đã được làm việc như là
với bà bạn tôi qua phone.

Gia đình tôi như không còn ai đi tìm cái gì ở
đất Mỹ như là cái nhà. Cha tôi và bà thấy sự,
chúng tôi rất quan tâm đến chuyến đi thấy của
tôi chính vì cái như là bạn bà với họ rất

may đũa biết đun nấu thật khéo vậy, có
thể gọi là bạn tốt của tôi cho chúng tôi
biết nhé!

Yêu thương bạn của tôi.

Mrs. Sang

Kính thư.

Đỗ. T. Sang

CURRICULUM-VITAE OF NGUYEN THI HUE

#

1967 - 1973 : Consecutively served NIC/AIG at No.3 Bach Dang street Saigon

Position/title : Clerk / typist

Function : Preparation and making of interviewing reports -
data got from prisoners and welfare cadres.

Supervisor and referee : Director/Colonel Hong Ghu Chuong (presently in the USA)

Advisor : Mr. Fransky

Assigned job : All confidential matters

Reason to leave : Reduction in force and due to the withdrawal of US Forces.

LE VAN LAC

123/1 Ap HAU

Tan An Hoi (Village)

Cu Chi (District)

Ho Chi Minh City

To : The Director,
Orderly Departure Office

.....

Bangkok, THAILAND

Dear Sir,

I wish to request your approval on my application to
immigrate to the United States under the Orderly Departure Programme.

I submitted to your office under post my request for this
card in two times, one in August 1982 and the other in November 1983
but I have not received your return on it.

Enclosed are the Questionnaire for GDP applicants and
necessary documents for the file on my case.

Having every confidence in your benevolent assistance,
I look forward to receiving your approval on my application and a
letter of introduction from your office.

Please accept my many thanks for this fresh favor.

Mailing address :

RESPECTFULLY YOURS,

By care of AG. THI-SANG
605 NW DIVISION # H-1
2510 P.O. Box 9802 USA



CURRICULUM-VITAE OF LE VAN LAC
Former Security-Police Major

-o-o-

- Officially engaged in the Security-Police on January 15, 1963
- IBM Registration Serial number : 32.708
- Last grade/rank : Security-Police Major
- Function : Battalion Chief of Cadets of :
- Working place : Training Center of Field-Combat Police in Dalat.
- Reeducation Camp : Effective date : June 13, 1975
- Released : December 24, 1979 at following camps :
- From June 13, 1975 to 1976 : At Long Thành
- From 1976 - 1978 : Quang Minh Province (North)
- From 1978 - 1979 : Thanh Hóa province (North)

-o-o-o-o-o-

Fast Experiences and Work Performances :

- 1963 - 1965 : Working place - Traffic Police Service - No. 341 Tran Hung Dao St. Saigon
- Grade - Police Redactor
 - Function - Interviewing Officer
 - Supervisor - District Chief : Tran van Sát (later Colonel)
Tran van Sát in April 1975)
- 1965 - 1968 : Working place - Training Center of Field-Combat Police in Dalat
- Grade - Police Redactor
 - Function - Paymaster (salaries/wages for employees)
 - Supervisor - Major Nguyen van Cuc (in 1965-66) then
Captain Ta Ngoc Canh (in 1966-67)
- 1968 - 1973 : Working place - Thu Duc Police Academy (Police Officers Academy)
- Grade - Police Redactor - at Rank : Captain (in 1972)
 - Function - Chief of Protecting Company
 - Supervisor - Police Colonel Tran Minh Cong - also,
Director of Academy - and his deputy,
Director : Lt-Colonel Pham Cong Bach.
- 1973 - 1974 : Working place : Training Center Policial basis at Rach Dia, Vung Tau
- Grade - Police Major (in 1974)
 - Function - Chief of Inter-Teams of Cadets
 - Supervisor - Lt-Colonel Nguyen Kim Chi
- 1974 up to 30.4.1975 : Working place - Training Centre of Field-Combat Police in Dalat
- Grade - Police Major
 - Function - Chief of Battalion of Police Cadets.
 - Supervisor - Police Lt-Colonel Nguyen Quang Phuc

OUTSIDE TRAINING COURSES :

- 1965 (3-month training course - from Sept. to Nov. 1965) in the United States.
- Session of Riot Control - performed at International Police Academy in Washington D.C. - 1st session, trained in French - by the time an interview was made in Vietnam, the interviewing officer and advisor was Mr. BRUCKER (an US citizen and of French origin) - thereafter, a meeting between us while I was in Washington DC. 1970 (6-week training in Malaysia).
 - Session of Riot Control in OFCH (this school is next to ICH Airport - Training Officer was Sergeant LIM.

OBSERVATION TOURS :

- 1971 - (3 weeks) - in conjunction to Delegation of Lecturers of Thu Duc Police Academy to go abroad to observe :
- In Malaysia : for one week - at the Training Center of Police officers
 - In Taiwan : for one week - at different Police Training Centers
 - In Hongkong : for one week - at the Training Centre of Police Officers.

DECORATIONS :

- In 1970 : Honored with a 3rd class Fighting Emblem (Chiến công bội tinh)
: Awarded with a 2nd class Fighting Emblem (Chiến công二等)
(tặng).

-o-o-o-o-o-o-

VIỆT NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HAY THÀNH PHỐ
TỈNH BÌNH-DƯƠNG

Quận CÙ-CHI
Xã TÂN-AN-HỘI

Số Mẫu 29

MIỀN-PHI
HỒ Sơ thảo miền

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THU

Tên họ người chồng LÊ-VAN-LẠC

nghề nghiệp BIÊN-TẬP-VIÊN

sinh ngày 18 tháng 10 năm 1937

tại TÂN-AN-TÂY

cư sở tại THANH-MỸ-TÂY (GIA-ĐÌNH)

tạm trú tại ///

Tên họ cha chồng LÊ-VAN-ÂU (sống) 52 tuổi
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng PHẠM-THỊ-LỢI (sống) 54 tuổi
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ NGUYỄN-THỊ-HUỆ

nghề nghiệp Giáo-viên

sinh ngày 21 tháng Aout năm 1940

tại Bình-Hoà-Xã

cư sở tại Tân-An-Hội (Bình-Dương)

tạm trú tại ///

Tên họ cha vợ (không cha)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn-thị-Sóc (sống) 46 tuổi
(Sống chết phải nói)

- Ngày cưới Lập Hôn-thú, ngày 23 tháng 5 năm 1963 tại
- TÂN-AN-HỘI -

- Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế Lập
ngày 13 tháng 05 năm 1963

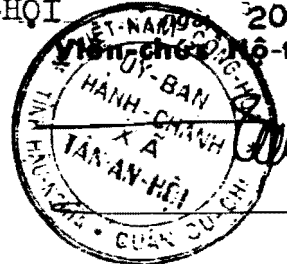
tại TÂN-AN-HỘI

Trích y bản chính

TÂN-AN-HỘI

20 tháng 5 năm 1967

Trích y bản chính



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN C.M.

Quận Bình-Thạnh

Phường (Xã) _____

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu 246

Năm 1970

Lập ngày 17 tháng 01 năm 197 0

Họ tên	LÊ MINH TRÍ
Trai hay gái	Trai
Ngày, tháng, năm sanh	Ngày mười lăm, tháng một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Nơi sanh	Bình-Hòa xã
Họ tên, quốc tịch cha	LÊ VĂN LẠC. VN.
Họ tên, quốc tịch mẹ	NGUYỄN THỊ HUỆ. VN.
Cha mẹ có hôn thú không	Có

SAO LỤC

Thành-phố HỒ CHÍ MINH, ngày 09 tháng 9 năm 197 0

VIÊN HỘ-TỊCH



LÊ NGHI EM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN C.M.

Quận Bình-Thạnh

Phường (Xã) _____

Xác nhận:

Lê minh Triết

Ngày _____

TM. ỦY BAN

LÊ NGUYỄN



BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu: 6167

Năm 1971

Lập ngày 16 tháng 9 năm 1971

Họ tên	LÊ MINH TRIỆT TRIẾT
Trai hay gái	Trai
Ngày, tháng, năm sanh	Ngày mười bốn, tháng chín, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
Nơi sanh	Bình-Hòa xã
Họ tên, quốc tịch cha	LÊ VĂN LẠC. VN.
Họ tên, quốc tịch mẹ	NGUYỄN THỊ HUỆ. VN.
Cha mẹ có hôn thú không	Có

SAO LỤC

Thành-phố HỒ CHÍ MINH, ngày 09 tháng 9 năm 1976

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



LÊ NGHI EM

from Mrs. B. Thi. SANG
505 N.W. Division, #41
Olympia, Wa 98502.

FIRST CLASS



45

To: Mrs. KHUC Minh Tho

P.O. Box 5435

Arlington, Virginia, 22205-0635

FIRST CLASS

SEP 16 1988

FIRST CLASS

TRÍCH Y THEO BỘ SÁCH
1965

Bình Trước, 26/6/1965

Chu Tịch kiêm Hộ Tịch

(ký tên)

NGUYỄN VĂN NAM
tự VÂN

MIỄN TỊCH

Bình Trước, ngày 26/6/65

Chu Tịch,

Pho

Ủy viên Tài chính
và Kinh tế

(Ấn ký)

PHẠM VĂN THẠNH

NGUYỄN VĂN HAI

Nhận thực chủ ký của

C.B.H.C. Xã Bình-Trước
ghitrên

Sóc-Tu, ngày 30/6/1965

T. CO D. N. TRUONG,

(Ấn ký)

TRUONG VĂN LÊ

Tên họ đầu nhĩ :	Lê Kim Hạnh
Phái :	Nữ
Sinh ngày :	Mười tám tháng giêng, Dương lịch
Năm :	một ngàn chín trăm sáu mươi lăm
Tại :	Bao sanh Kiến Khuông, Biên Hòa
Che :	Lê - Văn - Lạc
(Tên, họ)	
Tuổi :	Hai mươi tám tuổi
Nghề nghiệp :	Biên tập viên
Cư-trú tại :	Biên hòa
Họ :	Nguyễn - Thị - Huệ
(Tên họ)	
Tuổi :	Hai mươi lăm tuổi
Nghề nghiệp :	Nội trợ
Cư-trú tại :	Biên Hòa
Vợ :	Vợ chánh
Người khai :	Ngô-dan-Tuyết
(Tên họ)	
Tuổi :	Ba mươi ba tuổi
Nghề nghiệp :	Nữ hộ sinh
Cư-trú tại :	Bình trước
Ngày khai :	Mười chín tháng Giêng năm 1965
Người chứng thứ nhất :	Nguyễn-Thị-Thanh
(Tên họ)	
Tuổi :	Ba mươi sáu tuổi
Nghề nghiệp :	Nữ hộ sinh
Cư-trú tại :	Bình trước
Người chứng thứ nhì :	Trần-Thị-Ban
(Tên họ)	
Tuổi :	Sáu mươi một tuổi
Nghề nghiệp :	Nữ hộ sinh
Cư trú tại :	Bình trước

Làm tại Xã Bình-trước, ngày 19 tháng Giêng năm 1965

Người khai,

Ngô Đan Tuyết

Hộ Lại,

Nguyễn-văn-Nam
(Tự vệ)

Nhân chứng,

Nguyễn-Thị-Thanh
Trần-Thị-Ban

Số 963 /CN-BS

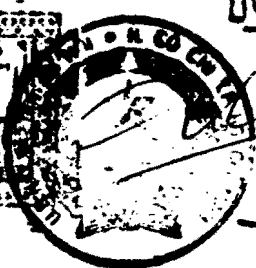
CHỖ NHẬN GIẤY Y BẢN CHÍNH

XUẤT TRÌNH TẠI UBND. XÃ TÂN AN HÒI

Ngày 15 tháng 10 năm 1984

TM: UBND. XÃ TÂN AN HÒI

UVTK/TT



Quản lý Văn

Trích Y theo Bộ Sanh 1967
Bính-Trước, ngày 7-3-1967
Cho Tịch Kiết Hộ Tịch,

(tự tên)

Đã Yết-Văn-Nam
tự VL

NIÊN TỊCH

Bính-Trước, ngày 7-3-1967
Pho Cho Tịch, Ủy viên tại

Chánh và
Mình Tịch

(tự tên và (tự tên và
đóng dấu) đóng dấu)

PHẠ VĂN NAM

TÊN TỊCH KẾT

Nghị thực chủ ký của Ủy
Ban Kinh Chánh Xã Bính-
Trước ghi trên.

Biên-Hóa, ngày 7-3-1967

T. K. A. Tịch TỊCH

IL. TỊCH TỊCH HÀNH CHÁNH

Cho Hộ Thông HC/X

(Ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN M. SANG

Tên; họ đầu rhi : LÊ PHUONG ANH

Giới : Nữ

Sinh : Cũng một tháng hai không lịch
năm một ngàn chín trăm sáu

mười bảy

tại : Phó sanh niên-thường, Biên Hòa
Chợ : Lê-văn-Lạc

(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi tuổi

Nghề nghiệp : Công chức

Cư trú tại : Bính-Trước, Biên-Hóa

Họ : Nguyễn-Thị-Luệ

(Tên họ)

Tuổi : Hai mươi bảy tuổi

Nghề nghiệp : Hộ trợ

Cư trú tại : Bính-Trước, Biên-Hóa

Vợ : Vợ chánh

(Chánh hay thứ)

Người khai : Ngô-Văn-Tuyết

(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi lăm tuổi

Nghề nghiệp : Nữ hộ sinh

Cư trú tại : Bính-Trước

Ngày khai : Cũng ba tháng hai năm 1967

Người chứng thứ nhất : Nguyễn-Thị-Thanh

(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi chín tuổi

Nghề nghiệp : Nữ hộ sinh

Cư trú tại : Bính-Trước

Người chứng thứ nhì : Trần-Thị-Fan

(Tên họ)

Tuổi : Sáu mươi bốn tuổi

Nghề nghiệp : Làm công

Cư trú tại : Bính-Trước

Lưu tại Xã Bính-Trước, ngày tháng hai năm 1967

Người khai,

Hộ Tịch,

Nhân chứng,

Ngô-Văn-Tuyết

Nguyễn-Văn-Nam

Nguyễn-Thị-Thanh

(tự VL)

Trần-Thị-Fan

Số: 962 /CN-89

CHỨNG NHẬN GIỒNG Y. BÀN CHÁNH

XUẤT TRÌNH TẠI UBND. XÃ TÂN AN HÒI

Ngày 15 tháng 10 năm 1984

T.M. UBND. XÃ TÂN AN HÒI

UV TK/TT

